

Phụ lục
BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI BIỂU THUẾ
(Kèm theo Tờ trình số 200/TTr-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính)

1. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

1.1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật.

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2017 (Danh mục AHTN 2017). Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 8/3/2022 của Chính phủ phê duyệt danh mục Biểu thuế hải hòa ASEAN phiên bản 2022 (Danh mục AHTN 2022). Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 8/6/2022 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022-2017 và AHTN 2017-2012 đã được các nước ASEAN thống nhất.

- Kết quả chuyển đổi AHTN 2012-2017 và AHTN 2017-2022 của 15 Hiệp định thương mại tự do và 03 Hiệp định Thỏa thuận thương mại song phương¹.

1.2. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

Để tạo thuận lợi trong công tác thực thi, việc xây dựng các phương án chuyển đổi cũng được thực hiện thống nhất ở tất cả các biểu thuế FTA, không gây ra sự khác biệt về mô tả, mã số đối với các mặt hàng tương tự: đối với các dòng hàng theo cam kết của Việt Nam tại Hiệp định VIFTA có phương án chuyển đổi sang AHTN 2017 và AHTN 2022 tại các FTA khác, đề xuất thực hiện theo các phương án này.

Đối với các dòng hàng còn lại (gồm 29 dòng hàng theo AHTN 2017 và 33 dòng hàng theo AHTN 2022) hiện chưa có phương án chuyển đổi, để đảm bảo việc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết của Hiệp định, trên cơ sở tài liệu hướng dẫn chuyển đổi của WTO, thống nhất áp dụng nguyên tắc như sau:

¹ 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) bao gồm: ASEAN (ATIGA); ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA); ASEAN - Nhật Bản (AJCEP); ASEAN - Ô-xtrây-li-a - Niu Di-lân (AANZFTA); ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc (AHKFTA); Việt Nam - Nhật Bản (VJEPa); Việt Nam - Chi-lê (VCFTA); Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA); Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á-Âu (VN-EAEU FTA); Việt Nam - EU (EVFTA); Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và 03 Hiệp định/thỏa thuận thương mại song phương Việt Nam - Cuba, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia

(i) Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017; trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2017 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2012: Áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017 hoặc AHTN 2012 tương ứng để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế suất.

(ii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 hoặc AHTN 2012 giống nhau: Áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017 hoặc AHTN 2012.

(iii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 hoặc AHTN 2012 khác nhau:

- + Tiến hành tách dòng (thêm mã 10 số trên cơ sở mã 8 số của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam) để vừa tuân thủ cam kết và không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam;

- + Trường hợp khác biệt thuế nhưng không có kim ngạch, không có tác động giảm thu NSNN (hoặc tác động không lớn) thì xem xét nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất để đơn giản biểu thuế.

- + Trường hợp không thể tách được do không khả thi về mặt kỹ thuật/phân loại thì nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất.

2. Kết quả chuyển đổi cam kết thuế nhập khẩu theo AHTN 2022

4.1. Đối với các dòng hàng chưa có phương án chuyển đổi

Về việc chuyển đổi AHTN 2012-2017, có 29 dòng hàng được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2012 khác nhau nhưng chưa có phương án chuyển đổi. Trong đó, 26 dòng đã áp dụng nguyên tắc gộp dòng lấy mức cam kết ưu đãi nhất; 3 dòng đã áp dụng tách thành các dòng thuế 10 số để đảm bảo cam kết của Việt Nam.

Về việc chuyển đổi AHTN 2017-2022, 33 dòng hàng được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau nhưng chưa có phương án chuyển đổi. Trong đó, 14 dòng đã áp dụng nguyên tắc gộp dòng lấy mức cam kết ưu đãi nhất; 2 dòng đã áp dụng tách thành các dòng thuế 10 số để đảm bảo cam kết của Việt Nam; 17 dòng đã áp dụng lấy tương quan theo mã AHTN 2017 do tương quan về mô tả mặt hàng.

4.2. Về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VIFTA sau chuyển đổi từ AHTN 2012 sang AHTN 2022

Số liệu tổng thể về cam kết xóa bỏ thuế quan và số dòng thuế, tỷ lệ cam kết sau khi chuyển đổi từ AHTN 2012 sang AHTN 2022 như sau:

Tên danh mục ưu đãi thuế quan tại Hiệp định VIFTA	Mức cam kết theo danh mục AHTN 2012 (là mức cam kết gốc tại thời điểm ký kết Hiệp định)		Mức cam kết theo danh mục AHTN 2017		Mức cam kết theo danh mục AHTN 2022	
	Số dòng thuế	Tỷ lệ	Số dòng thuế	Tỷ lệ	Số dòng thuế	Tỷ lệ
Xóa bỏ thuế quan ngay	3313	34.66%	3578	32.88%	3814	33.32%
Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm	329	3.44%	378	3.47%	393	3.43%
Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm	305	3.19%	362	3.33%	393	3.43%
Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm	2400	25.11%	2594	23.84%	2643	23.09%
Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm	1856	19.42%	2049	18.83%	2112	18.45%
Giảm một phần thuế quan xuống mức 16% sau 5 năm	5	0.05%	6	0.06%	6	0.05%
Giảm một phần thuế quan xuống mức 32% sau 5 năm	1	0.01%	1	0.01%	1	0.01%
Giảm một phần thuế quan xuống mức 40% sau 5 năm	1	0.01%	1	0.01%	1	0.01%
Giảm một phần thuế quan xuống mức 50% sau 3 năm	3	0.03%	11	0.10%	11	0.10%
Giữ nguyên thuế suất cơ sở	414	4.33%	503	4.62%	517	4.52%
Không cam kết	844	8.83%	1183	10.87%	1304	11.39%
Không đàm phán (CKD)	87	0.91%	217	1.99%	251	2.19%
Tổng	9558		10883		11446	
Mức tăng về số dòng thuế so với cam kết gốc			1325	13.86%	1888	19.75%
Tỷ lệ tự do hóa		85.82%		82.34%		81.73%

3. Về kết quả chuyển đổi chi tiết

3.1. Về chuyển đổi từ AHTN 2012 sang AHTN 2017

1. Mã hàng 0306.95.21 (AHTN 2017) có mô tả Còn vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước (được hiểu là Tôm shrimps và tôm prawn còn vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước)

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
0306.26.91	- - - - Đóng hộp kín khí (1)	10	X (Không cam kết)
0306.27.91	- - - - Đóng hộp kín khí (1)	10	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là loại thịt phi-kosher² phía I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu. Ngoài ra, thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

2. Mã hàng 0306.95.29 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Tôm shrimps và tôm prawn loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 4 mã hàng AHTN gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
0306.26.41	- - - - Đóng hộp kín khí (1)	10	X (Không cam kết)

² Thịt không đảm bảo nguyên tắc – nghi thức Do Thái

0306.26.91	---- Đóng hộp kín khí (1)	10	X (Không cam kết)
0306.27.41	---- Đóng hộp kín khí (1)	10	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
0306.27.91	---- Đóng hộp kín khí (1)	10	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là loại thịt phi-kosher phía I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu. Ngoài ra, thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

3. Mã hàng 0306.95.30 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Tôm shrimps và tôm prawn loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 4 mã hàng AHTN gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
0306.26.49	---- Loại khác	10	X (Không cam kết)
0306.26.99	---- Loại khác	10	X (Không cam kết)
0306.27.49	---- Loại khác	10	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
0306.27.99	---- Loại khác	10	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là xóa bỏ thuế quan sau 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là loại thịt phi-kosher phía I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu. Ngoài ra, thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

4. Mã hàng 1211.40.00 (AHTN 2017) có mô tả Thân cây anh túc

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức thuế suất cơ sở và cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1211.40.00	- Thân cây anh túc	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
1404.90.90	- - Loại khác	5	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là Thuế suất cơ sở 0%, mức Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là dòng thuế có thuế suất MFN hiện hành đã về 0%.

5. Mã hàng 1302.14.00 (AHTN 2017) có mô tả Từ cây ma hoàng

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1302.19.30	- - - Chiết xuất khác để làm thuốc	5	5 (Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm)
1302.19.90	- - - Loại khác	5	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là xóa bỏ thuế quan sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là dòng thuế có thuế suất MFN hiện hành rất thấp và thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

6. Mã hàng 1302.19.90 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (hiểu là Nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
------------------	------------------------------	----------------------------	------------------------------------

1302.19.30	- - - Chiết xuất khác để làm thuốc	5	5 (Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm)
1302.19.90	- - - Loại khác	5	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là xóa bỏ thuế quan sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Đây cũng là dòng thuế có thuế suất MFN hiện hành rất thấp và thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

7. Mã hàng 1511.90.20 (AHTN 2017) có mô tả Dầu tinh chế

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1511.90.92	- - - Loại khác, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 20 kg	30	X (Không cam kết)
1511.90.99	- - - Loại khác	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, phương án tách dòng cụ thể như sau:

1511.90.20 - - Dầu tinh chế :

1511.90.20.10 - - - Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg (tương quan với mã 1511.90.92)

1511.90.20.90 - - - Loại khác (tương quan với mã 1511.90.99)

8. Mã hàng 1511.90.36 (AHTN 2017) có mô tả Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 25kg (được hiểu là Dầu cọ và các phần phân đoạn của dầu cọ, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học,

các phần phân đoạn thể lỏng, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 25kg)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1511.90.92	- - - Loại khác, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 20 kg	30	X (Không cam kết)
1511.90.99	- - - Loại khác	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, phương án tách dòng cụ thể như sau:

1511.90.36 - - - - Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg :

1511.90.36.10 - - - - Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg (tương quan với mã 1511.90.92)

1511.90.36.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 1511.90.99)

9. Mã hàng 1514.99.90 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Dầu cây cải dầu (rape oil hoặc colza oil) hoặc dầu mù tạt và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1514.99.91	- - - - Dầu hạt cải khác	20	X (Không cam kết)

1514.99.99	- - - - Loại khác	20	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)
------------	-------------------	----	---

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Giữ nguyên thuế suất cơ sở kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế. Đây cũng là dòng thuế không chênh về mức thuế suất cơ sở, mức cam kết X (Không cam kết) hay MFN Stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở) là mức bảo hộ cao, về cơ bản không khác biệt nhiều.

10. Mã hàng 1604.20.99 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Cá đã được chế biến hoặc bảo quản cách khác, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1604.20.93	- - - Cá cắt nhỏ đông lạnh, đã luộc chín hoặc hấp chín	30	16% end rate in 5 years (Giảm một phần thuế xuống 16% sau 5 năm)
1604.20.99	- - - Loại khác	30	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Giảm một phần thuế xuống 16% sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế, ngoài ra, phương án gộp giữ thuế suất ở mức tương đối cao (16% sau 5 năm), trong khi các FTA khác đã về 0%.

11. Mã hàng 1605.29.90 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Tôm shrimp và tôm prawn đã được chế biến hoặc bảo quản, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
-----------	-----------------------	---------------------	-----------------------------

1605.29.10	- - -Tôm shrimp dạng bột nhão	30	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)
1605.29.90	- - - Loại khác	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế, ngoài ra, đây là thịt phi kosher, I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu, cam kết tại CPTPP đã về 0%.

12. Mã hàng 1605.54.10 (AHTN 2017) có mô tả Đóng bao bì kín khí để bán lẻ (được hiểu là Mực nang và mực ống, đóng bao bì kín khí để bán lẻ)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1605.54.00	- - Mực nang và mực ống	25	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1605.59.00	- - Loại khác	25	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế, ngoài ra, đây là thịt phi kosher, I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu, cam kết tại CPTPP đã về 0%.

13. Mã hàng 1605.54.90 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Mực nang và mực ống, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1605.54.00	- - Mực nang và mực ống	25	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1605.59.00	- - Loại khác	25	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế, ngoài ra, đây là thịt phi kosher, I-xra-en không có thể mạnh xuất khẩu, cam kết tại CPTPP đã về 0%.

14. Mã hàng 1701.99.10 (AHTN 2017) có mô tả Đường đã tinh luyện

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
1701.99.11	- - - - Đường trắng	40	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)
1701.99.19	- - - - Loại khác	40	X (Không cam kết)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Giữ nguyên thuế suất cơ sở kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế. Đây cũng là dòng thuế không chênh về mức thuế suất cơ sở, mức cam kết X (Không cam kết) hay MFN Stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở) là mức bảo hộ cao, về cơ bản không khác biệt nhiều.

15. Mã hàng 3402.11.90 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Các chất hữu cơ hoạt động bề mặt, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ, dạng anion, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
3402.11.91	- - - - Chất thấm ướt dùng để sản xuất thuốc diệt cỏ	8	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3402.11.99	- - - - Loại khác	8	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là xóa bỏ thuế quan sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, thuế suất MFN hiện hành thấp và thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

16. Mã hàng 3808.62.10 (AHTN 2017) có mô tả Bột dùng làm hương vòng chống muỗi

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có thuế suất cơ sở khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
3808.91.11	- - - - Có 2-(1-Methylpropyl) phenol methylcarbamate)	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
3808.91.19	- - - - Loại khác	3	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, thuế suất MFN hiện hành thấp; cả 2 dòng hàng AHTN 2012 đều có mức Xóa bỏ thuế quan ngay và thuế suất tại các FTA khác đã về 0%.

17. Mã hàng 4012.19.40 (AHTN 2017) có mô tả Loại dùng cho các xe thuộc Chương 87 (Lớp bằng cao su loại bơm hơi đã qua sử dụng hoặc đắp lại; lớp đặc hoặc nửa đặc, hoa lớp và lót vành, bằng cao su, lớp đắp lại, loại khác, loại dùng cho các xe thuộc Chương 87)

- Mã hàng này được gộp từ 3 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có thuế suất cơ sở khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
4012.19.10	- - - Loại dùng cho xe mô tô	35	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
4012.19.20	- - - Loại dùng cho xe đạp	35	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
4012.19.40	- - - Loại dùng cho các xe khác thuộc Chương 87	20	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 20%, xóa bỏ thuế quan sau 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, thuế suất MFN hiện hành là 20% với nhóm 4012.19; cả 3 dòng hàng AHTN 2012 đều có lộ trình xóa bỏ sau 10 năm và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

18. Mã hàng 5111.19.00 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Vải dệt thoi từ sợi len lông cừu chải thô hoặc từ sợi lông động vật loại mịn chải thô, có tỷ trọng lông cừu hoặc lông động vật loại mịn từ 85% trở lên, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
5111.19.10	- - - Đã được in kiểu batik truyền thống (1)	12	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
5111.19.90	- - - Loại khác	12	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là xóa bỏ thuế quan sau 3 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có thuế suất cơ sở tương đồng và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en, bản chất mặt hàng là nguyên liệu đầu vào, không phải mặt hàng nhạy cảm.

19. Mã hàng 7211.90.12 (AHTN 2017) có mô tả Dạng dài và dài, có chiều rộng trên 400 mm (được hiểu là Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, chưa phủ, mạ hoặc tráng, loại khác, có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo trọng lượng, Dạng dài và dài, có chiều rộng trên 400 mm)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
7211.90.30	- - Loại khác, chiều dày không quá 0,17 mm	5	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
7211.90.90	- - Loại khác	7	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 5%, xóa bỏ sau 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

20. Mã hàng 8460.12.00 (AHTN 2017) có mô tả Điều khiển số

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8460.11.00	- - Điều khiển số	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
------------	-------------------------	---	---------------------------

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

21. Mã hàng 8460.19.00 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Máy mài phẳng, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 4 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8460.19.10	- - - Hoạt động bằng điện	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.19.20	- - - Không hoạt động bằng điện	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.20	- - Không hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

22. Mã hàng 8460.22.00 (AHTN 2017) có mô tả Máy mài không tâm, loại điều khiển số

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
-----------	-----------------------	---------------------	-----------------------------

8460.21.00	- - Điều khiển số	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

23. Mã hàng 8460.23.00 (AHTN 2017) có mô tả Máy mài trụ khác, loại điều khiển số

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8460.21.00	- - Điều khiển số	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

24. Mã hàng 8460.24.00 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác, điều khiển số (được hiểu là Máy mài khác, loại khác, điều khiển số)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA

8460.21.00	- - Điều khiển số	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

25. Mã hàng 8460.29.10 (AHTN 2017) có mô tả Hoạt động bằng điện (được hiểu là Máy mài khác, loại khác, hoạt động bằng điện)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8460.29.10	- - - Hoạt động bằng điện	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8460.90.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

26. Mã hàng 8460.29.20 (AHTN 2017) có mô tả Không hoạt động bằng điện (được hiểu là Máy mài khác, loại khác, không hoạt động bằng điện)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8460.29.20	- - - Không hoạt động bằng điện	0	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

8460.90.20	- - Không hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
------------	-------------------------------	---	---------------------------

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 0%, xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này có cam kết cắt giảm tương đồng, thuế suất cơ sở chênh rất thấp và không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en.

27. Mã hàng 8711.90.60 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác, dạng CKD (được hiểu là Mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)) và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ, có hoặc không có thùng xe bên cạnh; thùng xe có bánh (side-cars), loại khác, dạng CKD)

- Mã hàng này được gộp từ 3 mã hàng AHTN 2012 không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
8711.90.52	- - - Loại khác, có dung tích xi lanh không quá 200cc	70	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
8711.90.53	- - - Loại khác, có dung tích xi lanh trên 200cc nhưng không quá 500cc	60	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
8711.90.54	- - - Loại khác, có dung tích xi lanh trên 500cc	60	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy thuế suất thấp nhất là thuế suất cơ sở 60%, xóa bỏ thuế quan sau 10 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này không có kim ngạch nhập khẩu, cam kết tại Hiệp định bằng nhau là Xóa bỏ sau 10 năm.

28. Mã hàng 9406.90.19 (AHTN 2017) có mô tả Loại khác (được hiểu là Nhà lắp ghép, nhà trồng cây được gắn với thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt, loại khác)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
9406.00.11	- - Bảng plastic	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
9406.00.19	- - Loại khác	15	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất tách dòng do mức chênh cam kết tại Hiệp định cao, ngoài ra, khi chuyển đổi theo phương án AHTN 2022 thì mã hàng 9406.90.19 theo AHTN 2017 lại được tách về 02 dòng hàng như tại AHTN 2012. Đây cũng là các dòng có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en. Phương án tách dòng cụ thể như sau:

9406.90.19 - - - Loại khác :

9406.90.19.10 - - - - Bảng plastic (tương quan với mã 9406.00.11)

9406.90.19.90 - - - - Loại khác (tương quan với mã 9406.00.19)

29. Mã hàng 9504.90.95 có mô tả Bảng gỗ, giấy hoặc plastic (được hiểu là Các máy và bộ điều khiển trò chơi video, dụng cụ dùng cho giải trí, cho các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả bàn sử dụng trong trò chơi bắn bi (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc và các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động, bằng gỗ, giấy hoặc plastic)

- Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2012 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA, tuy nhiên tại Hiệp định VIFTA thì có mức cam kết cắt giảm thuế quan khác nhau, cụ thể:

AHTN 2012	Mô tả 2012 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA
9504.90.94	- - - - Bảng gỗ hoặc bảng plastic	25	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
9504.90.99	- - - - Loại khác	25	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực để đơn giản biểu thuế. Bên cạnh đó, các dòng hàng này không có kim ngạch nhập khẩu, cam kết tại Hiệp định chênh thấp, đều là Xóa bỏ thuế quan, có thuế suất cơ sở bằng nhau.

3.2. Về chuyển đổi từ AHTN 2017 sang AHTN 2022

1. Mã hàng 0301.11.99 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Cá nước ngọt loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 3 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
0301.11.94	- - - - Cá tai tượng da beo (Astronotus ocellatus)	20	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)
0301.11.96	- - - - Cá rồng trên châu (Scleropages jardini)	20	X (Không cam kết)
0301.11.99	- - - - Loại khác	20	X (Không cam kết)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Giữ nguyên thuế suất cơ sở từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở) và X (Không cam kết) có sự tương đồng, đều là mức bảo hộ cao.

2. Mã hàng 2204.29.12 (AHTN 2022) có mô tả Có nồng độ cồn trên 15% tính theo thể tích

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
2204.29.13	- - - - Có nồng độ cồn trên 15% nhưng không quá 23% tính theo thể tích	50	MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở)
2204.29.14	- - - - Có nồng độ cồn trên 23% tính theo thể tích	50	X (Không cam kết)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy mức cam kết là Giữ nguyên thuế suất cơ sở từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết MFN stand-still (Giữ nguyên thuế suất cơ sở) và X (Không cam kết) có sự tương đồng, đều là mức bảo hộ cao.

3. Mã hàng 3921.19.11 (AHTN 2022) có mô tả Túi polypropylen

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng hợp, từ polypropylene*).

4. Mã hàng 3921.19.12 (AHTN 2022) có mô tả là Túi polyetylen

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng*

plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng hợp, từ polyetylen).

5. Mã hàng 3921.19.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng hợp, loại khác*).

6. Mã hàng 3921.19.31 (AHTN 2022) có mô tả Từ các polycarbonat

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp, từ các polycarbonat*).

7. Mã hàng 3921.19.39 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp, loại khác*).

8. Mã hàng 3921.19.40 (AHTN 2022) có mô tả Dạng tấm và phiến từ xenlulo hoặc từ các dẫn xuất hóa học của chúng, hoặc từ sợi lưu hóa

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp, dạng tấm và phiến từ xenlulo hoặc từ các dẫn xuất hóa học của chúng, hoặc từ sợi lưu hóa*).

9. Mã hàng 3921.19.50 (AHTN 2022) có mô tả Dạng tấm và phiến từ các protein được làm cứng, hoặc từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
3921.19.20	- - - Loại cứng	6	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
3921.19.91	- - - - Dạng tấm và phiến	6	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 3921.19.91 do tương đồng hơn về bản chất mặt hàng với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay (mô tả dòng AHTN 2022 được hiểu là *Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, từ plastic khác, dạng tấm và phiến từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp, dạng tấm và phiến từ các protein được làm cứng, hoặc từ các dẫn xuất hóa học của cao su tự nhiên*).

10. Mã hàng 4810.19.90 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Giấy và bìa, đã tráng một hoặc cả hai mặt bằng cao lanh (China clay) hoặc bằng các chất vô cơ khác, có hoặc không có chất kết dính, và không có lớp phủ tráng nào khác, có hoặc không nhuộm màu bề mặt, có hoặc không trang trí hoặc in bề mặt, ở dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), với mọi kích cỡ, loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
4810.19.91	- - - - Không có chiều nào trên 360 mm	5	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
4810.19.99	- - - - Loại khác	5	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan không chênh nhiều về số năm xóa bỏ.

11. Mã hàng 4811.49.00 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Giấy, bìa, tấm xenlulo và màng xơ sợi xenlulo, đã tráng, thấm tẩm, phủ, nhuộm màu bề mặt, trang trí hoặc in bề mặt, ở dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), với kích thước bất kỳ, trừ các loại thuộc các nhóm 48.03, 48.09 hoặc 48.10, loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
4811.49.20	- - - Dạng cuộn có chiều rộng từ 15 cm trở xuống hoặc ở dạng tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông) không có chiều nào trên 36 cm ở dạng không gấp	15	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
4811.49.90	- - - Loại khác	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan không chênh nhiều về số năm xóa bỏ.

12. Mã hàng 6210.30.40 có mô tả Quần áo bảo hộ khác

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
6210.30.40	- - Các loại quần áo bảo hộ khác	20	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

6210.50.90	- - Loại khác	20	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
------------	---------------	----	----------------------------------

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu hoặc có kim ngạch rất thấp (113 đô la năm 2022) từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan không chênh nhiều về số năm xóa bỏ.

13. Mã hàng 7019.63.00 có mô tả Vải dệt thoi khô đóng, dệt vân điểm, từ sợi xe, không tráng hoặc ép lớp

Mã hàng này được gộp từ 3 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
7019.51.00	- - Có chiều rộng không quá 30 cm	3	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
7019.52.00	- - Có chiều rộng trên 30 cm, dệt vân điểm, trọng lượng dưới 250 g/m ² , dệt từ sợi filament có độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 136 tex	3	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
7019.59.00	- - Loại khác	3	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

14. Mã hàng 7019.64.00 có mô tả Vải dệt thoi khô đóng, dệt vân điểm, từ sợi xe, được tráng hoặc ép lớp

Mã hàng này được gộp từ 3 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN
-----------	----------------------------	-----------------	--

		(%)	2012)
7019.51.00	- - Có chiều rộng không quá 30 cm	3	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
7019.52.00	- - Có chiều rộng trên 30 cm, dệt vân điểm, trọng lượng dưới 250 g/m ² , dệt từ sợi filament có độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 136 tex	3	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
7019.59.00	- - Loại khác	3	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

15. Mã hàng 8414.59.10 có mô tả Quạt, loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để làm mát bộ vi xử lý, thiết bị viễn thông, máy xử lý dữ liệu tự động hoặc các khối chức năng của máy xử lý dữ liệu tự động

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
8414.59.41	- - - - - Có lưới bảo vệ	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
8414.59.49	- - - - - Loại khác	15	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu hoặc có kim ngạch nhập khẩu thấp (10718 đô la năm 2022) từ I-xra-en và đề đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

16. Mã hàng 8423.90.40 (AHTN 2022) có mô tả Bộ phận của các loại cân khác

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
8423.90.21	- - - Cửa máy hoạt động bằng điện	5	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8423.90.29	- - - Cửa máy không hoạt động bằng điện	5	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực do có kim ngạch nhập khẩu thấp (3,500 USD và 8,843 USD năm 2022) từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau là thấp và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

17. Mã hàng 8438.10.00 (ATHN 2022) có mô tả Máy làm bánh và máy để sản xuất mỳ macaroni, spaghetti hoặc các sản phẩm tương tự

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
8438.10.10	- - Hoạt động bằng điện	3	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8438.10.20	- - Không hoạt động bằng điện	3	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch hoặc có kim ngạch nhập khẩu thấp (123 USD năm 2022) từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau là thấp và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

18. Mã hàng 8479.30.00 (AHTN 2022) có mô tả Máy ép dẹt để sản xuất tấm, ván ép từ xơ sợi hoặc dăm gỗ hoặc từ các vật liệu bằng gỗ khác và các loại máy khác dùng để xử lý gỗ hoặc lie

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
8479.30.10	- - Hoạt động bằng điện	2	0 (Xóa bỏ thuế quan ngay)
8479.30.20	- - Không hoạt động bằng điện	2	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau là thấp và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

19. Mã hàng 8501.80.20 (AHTN 2022) có mô tả Công suất trên 75 kVA nhưng không quá 375 kVA

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
8501.62.10	- - - Công suất trên 75 kVA nhưng không quá 150 kVA	7	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)
8501.62.20	- - - Công suất trên 150 kVA nhưng không quá 375 kVA	7	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau là thấp và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan.

20. Mã hàng 9114.90.00 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Các bộ phận khác của đồng hồ thời gian hoặc đồng hồ cá nhân, loại khác)

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
9114.10.00	- Lò xo, kể cả dây tóc	20	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
9114.90.00	- Loại khác	20	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu hoặc có kim ngạch thấp (1210 USD năm 2022) từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan không chênh nhiều về số năm.

21. Mã hàng 9619.00.92 (AHTN 2022) có mô tả Băng vệ sinh (miếng)

Mã hàng này được gộp từ 2 mã hàng AHTN 2017 gộp cùng thuế suất và không phát sinh vấn đề chuyển đổi tại các FTA trừ VIFTA, cụ thể:

AHTN 2017	Mô tả AHTN 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở (%)	Cam kết tại Hiệp định VIFTA (sau khi đã chuyển đổi từ AHTN 2012)
9619.00.91	- - Dệt kim hoặc vải móc	20	7 (Xóa bỏ thuế quan sau 7 năm)
9619.00.99	- - Loại khác	20	5 (Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất gộp lấy mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 5 năm từ ngày Hiệp định có hiệu lực do không có kim ngạch nhập khẩu từ I-xra-en và để đơn giản biểu thuế. Các dòng hàng này có thuế suất cơ sở bằng nhau và mức cam kết Xóa bỏ thuế quan không chênh nhiều về số năm.

22. Mã hàng 1511.90.20 (AHTN 2022) có mô tả là Dầu tinh chế

Mã hàng này giữ nguyên phạm vi và mô tả so với mã hàng AHTN 2017 là 1511.90.20 có mô tả là Dầu tinh chế. Tuy nhiên, theo phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017 dự kiến, mã hàng 1511.90.20 (AHTN 2017) được tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, cụ thể như sau:

Mã hàng AHTN 2017 dự kiến	Mô tả 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2012- 2017)
1511.90.20	- - Dầu tinh chế :		
1511.90.20.10	- - - Loại khác, đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1511.90.20.90	- - - Loại khác	30	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất tách dòng 10 số tương tự như phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017, phương án tách dòng cụ thể là:

Mã hàng AHTN 2022 dự kiến	Mô tả 2022 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2017- 2022)
1511.90.20	- - Dầu tinh chế :		
1511.90.20.10	- - - Loại khác, đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1511.90.20.90	- - - Loại khác	30	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

23. Mã hàng 1511.90.36 (AHTN 2022) có mô tả Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg (được hiểu là Dầu cọ và các phần phân đoạn của dầu cọ, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học, các phần phân đoạn thể lỏng, đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg)

Mã hàng này giữ nguyên phạm vi và mô tả so với mã hàng AHTN 2017 là 1511.90.36 có mô tả là Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg. Tuy nhiên, theo phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017 dự kiến, mã hàng 1511.90.36 (AHTN 2017) được tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, cụ thể như sau:

Mã hàng AHTN 2017 dự kiến	Mô tả 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2012- 2017)
1511.90.36	- - - - Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg :		
1511.90.36.10	- - - - - Loại khác, đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1511.90.36.90	- - - - - Loại khác	30	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất tách dòng 10 số tương tự như phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017, phương án tách dòng cụ thể là:

Mã hàng AHTN 2022 dự kiến	Mô tả 2022 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2017- 2022)
1511.90.36	- - - - Đóng gói với khối lượng tịnh không quá 25kg :		
1511.90.36.10	- - - - - Loại khác, đóng gói với khối lượng tịnh không quá 20 kg	30	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
1511.90.36.90	- - - - - Loại khác	30	3 (Xóa bỏ thuế

quan sau 3 năm)

24. Mã hàng 9406.90.12 (AHTN 2022) có mô tả Bể plastic (được hiểu là Nhà lắp ghép, nhà trồng cây được gắn với thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt, bể plastic)

Mã này chuyển đổi một phần từ mã hàng AHTN 2017 là 9406.90.19 có mô tả Loại khác. Tuy nhiên, theo phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017 dự kiến, mã hàng 9406.90.19 (AHTN 2017) được tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, cụ thể như sau:

Mã hàng AHTN dự kiến	Mô tả 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2012-2017)
9406.90.19	- - - Loại khác :	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
9406.90.19.10	- - - - Bể plastic	15	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)
9406.90.19.90	- - - -Loại khác	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 9406.90.19.10 do bản chất mặt hàng chỉ tương đồng với mã hàng này với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm.

25. Mã hàng 9406.90.19 (AHTN 2022) có mô tả Loại khác (được hiểu là Nhà lắp ghép, nhà trồng cây được gắn với thiết bị cơ khí hoặc thiết bị nhiệt, loại khác)

Mã này chuyển đổi một phần từ mã hàng AHTN 2017 là 9406.90.19 có mô tả Loại khác. Tuy nhiên, theo phương án chuyển đổi AHTN 2012-2017 dự kiến, mã hàng 9406.90.19 (AHTN 2017) được tách thành 2 dòng thuế theo cam kết AHTN 2012 do đây là các dòng hàng có thuế suất cao và mức chênh lệch cam kết cao, cụ thể như sau:

Mã hàng AHTN 2017 dự kiến	Mô tả 2017 tiếng Việt	Thuế suất cơ sở	Mức cam kết của Việt Nam (dự kiến sau khi chuyển đổi AHTN 2012- 2017)
9406.90.19	- - - Loại khác :	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)
9406.90.19.10	- - - - Bảng plastic	15	3 (Xóa bỏ thuế quan sau 3 năm)
9406.90.19.90	- - - -Loại khác	15	10 (Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm)

- Phương án xử lý: Đề xuất lấy tương quan với mã 9406.90.19.90 do bản chất mặt hàng chỉ tương đồng với mã hàng này với mức cam kết là Xóa bỏ thuế quan sau 10 năm.

26. Mã 2404.12.10 (AHTN2022) có mô tả là “- - - Thuốc lá điện tử dạng gel hoặc dạng lỏng”

27. Mã 2404.12.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác:”

28. Mã 2404.19.20 (AHTN2022) có mô tả là “- - - Chứa các nguyên liệu thay thế nicotine”

29. Mã 2404.91.10 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Kẹo cao su có nicotine”

30. Mã 2404.91.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác”

31. Mã 2404.92.10 (AHTN 2022) có mô tả là “- - Miếng dán nicotine”

32. Mã 2404.92.90 (AHTN 2022) có mô tả là “- - - Loại khác”

33. Mã 2404.99.00 (AHTN 2022) có mô tả là “- - Loại khác”

Đây là 8 mã hàng lá thuốc lá thuộc nhóm 24.04 theo AHTN 2022 có tương quan với 1 mã hàng AHTN 2017.

Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác

dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Theo phân loại/ tương quan quốc tế (AHTN 2022 và WCO), nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và chế phẩm thực phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 2106.90.99).

Về cam kết tại VIFTA, các mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 không cam kết cắt giảm/không xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực mà giảm một phần thuế có lộ trình hoặc duy trì thuế suất cao (*ví dụ như: không cam kết đối với lá thuốc lá thuộc nhóm 2401; không cam kết đối với xì gà, thuốc lá điếu... thuộc nhóm 2402; không cam kết, giữ nguyên thuế suất cơ sở hoặc áp dụng mức thuế suất 50% tới cuối lộ trình đối với nhóm lá thuốc lá đã chế biến và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá thuộc nhóm 2403*). Đối với các mã hàng 2403.99.30 và 2403.99.90, trong VIFTA hiện đang có thuế suất cam kết cao (đều là không cam kết).

Trong khi đó, các mã 2106.90.99 và 3824.99.99 là những dòng hàng có thuế suất cam kết thấp, là xóa bỏ thuế quan ngay hoặc xóa bỏ sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Trường hợp thực hiện theo phân loại/ tương quan quốc tế nêu trên và theo cam kết tại VIFTA, có 8/10 các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 sẽ duy trì mức thuế suất thấp tương quan với các mã hàng 2106.90.99 và 3824.99.99 (tức là Xóa bỏ thuế quan ngay hoặc Xóa bỏ sau 5 năm).

Về quan điểm phân loại/ tương quan của Việt Nam đối với những mặt hàng này sẽ được phân loại ở Chương 24 thay vì hóa chất có thuế suất thấp thuộc nhóm 2106.90.99 và 3824.99.99. Về việc này, TCHQ cũng đã có thông báo số 7143/TB-TCHQ ngày 06/11/2020 về phân loại các mặt hàng này.

Về việc phân loại, căn cứ Chú giải pháp lý Chương 21, Chương 38 và Chương 24 theo phiên bản AHTN 2022, các mặt hàng có chứa nguyên liệu thay thế lá thuốc lá và các chế phẩm hóa học chứa nicotine hoặc thay thế nicotine dùng để hấp thụ vào cơ thể người đều không được phân loại vào Chương 38 và Chương 21 mà phải được phân loại vào nhóm 2404, chịu chính sách quản lý tương tự như các mặt hàng thuốc lá thông thường khác thuộc Chương 24. Hiện nay, TCHQ đã có công văn hướng dẫn phân loại các mặt hàng này vào Chương 24.

Do đây là mặt hàng nhạy cảm, Bộ Tài chính đề xuất áp dụng phân loại/ tương quan của Việt Nam theo đó xử lý theo hướng các mã hàng thuốc lá thuộc nhóm

2404 theo AHTN 2022 (8 mã) sẽ áp dụng cam kết thuế suất của mã hàng 2403.99.90 theo AHTN 2017.

Theo đó, kết quả chuyển đổi biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này sẽ có 10 dòng thuế thuộc nhóm 2404 theo AHTN 2022 (gồm 9 dòng thuế có tương quan 1-1 với dòng thuế AHTN 2017 và 01 dòng thuế thuộc trường hợp gộp khác thuế suất) sẽ áp dụng tương quan với mã 2403.99.90 theo AHTN 2017.

STT	Mã AHTN 2022	Mô tả hàng hóa (dự thảo) của mã hàng AHTN 2022	Mã AHTN tương quan 2017 sau khi chuyển đổi
1	2404.12.10	- - - Thuốc lá điện tử dạng gel hoặc dạng lỏng	2403.99.90
2	2404.12.90	- - - Loại khác	2403.99.90
3	2404.19.20	- - - Chứa các nguyên liệu thay thế nicotine	2403.99.90
4	2404.91.10	- - - Kẹo cao su có nicotine	2403.99.90
5	2404.91.90	- - - Loại khác	2403.99.90
6	2404.92.10	- - Miếng dán nicotine	2403.99.90
7	2404.92.90	- - - Loại khác	2403.99.90
8	2404.99.00	- - Loại khác	2403.99.90

Cơ sở đề xuất như trên với Hiệp định VIFTA là việc Hiệp định này chưa có cơ chế chính thức về việc rà soát và thống nhất chuyển đổi trước khi ban hành nội luật, do đó, việc ban hành Nghị định trong giai đoạn này có thể áp dụng phương án như trên đối với nhóm 2404, mặc dù vẫn có rủi ro phía I-xra-en yêu cầu tham vấn và đề nghị thực hiện nguyên tắc không xói mòn cam kết tại Hiệp định.

Trường hợp có vướng mắc trong thực thi sau này tại Ủy ban thực thi, các đối thoại sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo vệ quan điểm thống nhất của Việt Nam và Tổ chức Hải quan thế giới đối với phân loại mặt hàng này (chịu chính sách quản lý tương tự như các mặt hàng thuốc lá thông thường khác), thể hiện chính sách và chủ trương phòng chống tác hại thuốc lá của Chính phủ Việt Nam cũng như dựa trên tính pháp lý của bảng tương quan (chỉ mang tính chất tham khảo trong chuyển đổi cam kết thuế).

Xét về kim ngạch nhập khẩu, không phát sinh kim ngạch hoặc có kim ngạch không đáng kể từ I-xra-en đối với các mặt hàng Chương 24 (gần như không có kim ngạch) cũng như các mặt hàng thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99 (kim ngạch nhập khẩu xấp xỉ 739 nghìn USD và 30 nghìn USD năm 2022). Do đó, khả năng bạn có ý kiến đối với việc thực hiện cam kết với mặt hàng này là thấp.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024-2027

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng Nghị định

- Từ đầu năm 2024 đến nay, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường với nhiều khó khăn, thách thức. Bất ổn địa chính trị, xung đột quân sự leo thang tại một số quốc gia, khu vực, tiềm ẩn nhiều rủi ro, đe dọa sự ổn định, phát triển toàn cầu; thiên tai, biến đổi khí hậu tiếp tục tác động nặng nề. Nhiều nền kinh tế lớn, đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của nước ta phục hồi chậm, tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, tỷ giá đồng USD và giá vàng tăng mạnh; giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, dịch vụ vận tải... biến động mạnh.

Ở trong nước, tình hình kinh tế, xã hội 8 tháng đầu năm 2024 có xu hướng phản hồi tích cực trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng kinh tế mặc dù đạt được kết quả khá nhưng còn đối mặt với nhiều thách thức từ lạm phát, tỷ giá có xu hướng tăng, thị trường tài chính, tiền tệ vẫn tiềm ẩn rủi ro, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân còn gặp nhiều khó khăn.

Để góp phần thực hiện mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng gắn với hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm thực thi các cam kết quốc tế của Việt Nam, thực hiện chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, việc ban hành Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024-2027 là cần thiết để góp phần thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và I-xra-en, góp phần đa dạng hóa thị trường xuất - nhập khẩu và tạo động lực tăng trưởng trong tình hình mới.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị định

- Thực hiện đúng cam kết của Việt Nam tại Hiệp định VIFTA.

- Đảm bảo tính tương thích của Nghị định với điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết; bao gồm việc tuân thủ Hiệp định Hải quan ASEAN (Điều 19 Hiệp định Hải quan ASEAN) về việc áp dụng Danh mục AHTN 2022 của ASEAN và Danh mục HS phiên bản 2022 của Tổ chức Hải quan thế giới khi xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực thi Hiệp định VIFTA (Danh mục AHTN 2022 được áp dụng cho giai đoạn 2024-2027).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về sự phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp:* Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn 2024-2027 là phù hợp nhằm thực thi cam kết tại Hiệp định VIFTA và Danh mục AHTN 2022. Việc thực thi đảm bảo đồng bộ của hệ thống pháp luật về thuế, hải quan. Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật:* dự thảo Nghị định ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn 2024-2027 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Luật Quản lý ngoại thương, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:* Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định VIFTA và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên. Việc ban hành Nghị định biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định VIFTA là công tác hoàn thiện việc xây dựng thể chế để triển khai thực hiện các cam kết thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định VIFTA.

2. Về việc chuyển đổi biểu thuế theo danh mục hài hòa thuế quan ASEAN năm 2022 (AHTN 2022)

- Biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định VIFTA nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Tuy nhiên, do tác động của việc gộp dòng thuế, nguyên tắc tuân thủ các Hướng dẫn chuyển đổi

biểu thuế, một số dòng thuế sau khi gộp dòng theo phương án xử lý áp dụng mức thuế suất ưu đãi cao hơn để đơn giản biểu thuế và không làm xói mòn cam kết tại Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Danh mục hàng hóa Xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

- Về chuyển đổi các cam kết thuế nhập khẩu theo Hiệp định VIFTA: Danh mục AHTN 2022 được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung danh mục AHTN 2017 nhằm cập nhật kịp thời những thay đổi về công nghệ, thương mại và phân loại hàng hóa để phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu thị trường; đảm bảo hài hòa với hệ thống mô tả, chú giải và mã hàng quốc tế giai đoạn mới. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi, nguyên tắc không làm xói mòn cam kết (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Tờ trình Chính phủ) trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn 2024-2027 theo AHTN 2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng.

- Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt gồm mã hàng, mô tả hàng hóa, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với 11.387 dòng thuế ở cấp độ 8 số và 59 dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 10 số (tổng số là 11.446 dòng hàng có thuế).

- Về mức thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt: Thuế suất trung bình các dòng cam kết tại năm 2024 là 10,3%, năm 2025 là 9,3%, năm 2026 là 8,4% và năm 2027 là 7,5%.

3. Về tác động giảm thu ngân sách nhà nước và tác động kinh tế - thương mại

- Về tác động của Nghị định đến thu ngân sách nhà nước và thương mại song phương: Bộ Tài chính đánh giá việc ban hành Nghị định để thực hiện Hiệp định VIFTA giai đoạn kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 không gây ra những tác động khác về giảm thu ngân sách nhà nước do tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm. Bên cạnh đó, việc ban hành Nghị định sẽ giúp đảm bảo việc thực hiện các cam

kết tự do hóa thương mại được thông suốt.

Bên cạnh đó, việc ban hành Nghị định biểu thuế VIFTA giai đoạn 2024-2027 góp phần tiếp tục tạo thuận lợi, thúc đẩy trao đổi thương mại giữa Việt Nam và I-xra-en, dự kiến sẽ tiếp tục đem lại những hiệu ứng tích cực cho phát triển kinh tế Việt Nam./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

**Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo
Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện
Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ
nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024-2027**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính tiến hành rà soát các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024-2027 (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích việc rà soát dự thảo Luật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong hệ thống pháp luật.

2. Phạm vi, nội dung rà soát

- Về phạm vi rà soát: gồm toàn bộ nội dung dự thảo Nghị định và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung rà soát: đối chiếu các quy định tại dự thảo Nghị định với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Qua rà soát đã xác định tổng số văn bản được rà soát là 21 văn bản, bao gồm: Hiến pháp, 04 điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và 07 luật, 08 văn bản của Chính phủ, 01 văn bản của Bộ, ngành.

1.1. Hiến pháp 2013

1.2. Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

(1) Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en

(2) Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới (Công ước HS)

(3) Nghị định thư ASEAN về hải quan được ký kết ngày 30/3/2012;

(4) Nghị định thư thực hiện danh mục thuế quan hải hòa ASEAN được ký kết vào ngày 7/8/2003 và Nghị định thư sửa đổi AHTN vào năm 2007 và năm 2010.

1.3. Luật của Quốc hội:

(1) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

(2) Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016;

(3) Luật Hải quan năm 2014;

(4) Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

(5) Luật Điều ước quốc tế năm 2016;

(6) Luật Quản lý thuế năm 2019;

(7) Luật Thương mại năm 2005.

1.4. Các văn bản của Chính phủ

(1) Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

(2) Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

(3) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

(4) Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

(5) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

(6) Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(7) Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022.

(8) Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 5/1/2024 của Chính phủ phê duyệt Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en.

1.5. Văn bản của Bộ, ngành

Thông tư số 31/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08/6/2022 về Danh mục hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam.

2. Kết quả cụ thể

2.1. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt các văn bản pháp quy liên quan đến lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi trong thời gian gần đây. Quy định của dự thảo Nghị định cũng đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế Việt Nam đã tham gia như cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en (VIFTA), cam kết Biểu thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN 2022).

2.2. Dự thảo Nghị định tuân thủ đúng quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu về thẩm quyền ban hành các Biểu thuế ưu đãi đặc biệt, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật hiện hành; Phù hợp với quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 và Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2.3. Dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Luật Hải quan, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/04/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

2.4. Dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ ban hành ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 22/11/2019, Luật Quản lý thuế ban hành ngày 13/6/2019 và Luật Điều ước quốc tế ban hành ngày 09/4/2016.

Trên đây là Báo cáo rà soát các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en giai đoạn 2024-2027./.